

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 7 năm 2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức và ông Nguyễn Thành Phước.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Khóm T, xã Ó, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khóm T, xã Ó, tỉnh An Giang.

(Bà L, ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim L và ông Nguyễn Quốc Đại T tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ó (nay là xã Ó), tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống với nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Trần Quý A, sinh ngày 07-10-2009; Nguyễn Trần Bảo T1, sinh ngày 24-11-2012; Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 08-3-2021; Nguyễn Trần Kim D, sinh ngày 31-10-2022. Hiện 04 con chung đang sống với bà L. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng cho con: Bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho 04 con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

*** Đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc Đ:**

Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang) đã tổng đạt các văn bản tố tụng, đồng thời triệu tập ông Đ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

Tại phiên tòa;

Nguyên đơn bà Trần Thị Kim L có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Quốc Đ vắng mặt không có lý do.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim L, cho bà Trần Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Quốc Đ; về con chung, giao 04 con chung tên Nguyễn Trần Quý A, sinh ngày 07-10-2009;

Nguyễn Trần Bảo T1, sinh ngày 24-11-2012; Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 08-3-2021; Nguyễn Trần Kim D, sinh ngày 31-10-2022 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho 04 con chung; về tài sản chung, nợ chung là không có nên không đặt ra xem xét; buộc bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình; bị đơn có địa chỉ tại thị trấn Ó (nay là xã Ó), tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L, ông Đ là hôn nhân hợp pháp, ông bà chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ó (nay là xã Ó), tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24-11-2009. Trong quá trình chung sống, hôn nhân của ông bà không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông Đ. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa bà L, ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, cho bà L được ly hôn với ông Đ là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Trần Quý A, sinh ngày 07-10-2009; Nguyễn Trần Bảo T1, sinh ngày 24-11-2012; Nguyễn Trần Bảo N,

sinh ngày 08-3-2021; Nguyễn Trần Kim D, sinh ngày 31-10-2022. Hiện 04 con chung đang sống với bà L. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, từ trước đến nay 04 con chung sống chung với bà L, để ổn định cuộc sống cho các cháu và cũng theo nguyện vọng của cháu A, cháu T1 muốn được sống chung với bà L, cháu N, cháu D còn nhỏ tuổi nên cần sự chăm sóc của bà L; Hội đồng xét xử chấp nhận giao 04 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Cấp dưỡng cho con: Ông Đ không cấp dưỡng cho con chung do bà L không yêu cầu.

[3.4] Về tài sản chung: Không có.

[3.5] Về nợ chung: Bà L xác định, bà và ông Đ không có nợ chung; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 **của Bộ luật Tố tụng dân sự.**

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim L.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Quốc Đ.

2. *Về nuôi con chung:* Bà Trần Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung tên Nguyễn Trần Quý A, sinh ngày 07-10-2009; Nguyễn Trần Bảo T1, sinh ngày

24-11-2012; Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 08-3-2021; Nguyễn Trần Kim D, sinh ngày 31-10-2022. Hiện bà L đang nuôi con chung.

Ông Nguyễn Quốc Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Bà Trần Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số **0021817 ngày 27-3-2025** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Thi hành án dân sự tỉnh An Giang); bà L đã nộp xong án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bà Trần Thị Kim L, ông Nguyễn Quốc Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự; **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10 - An Giang;
- Phòng THADS khu vực 10 - An Giang;
- UBND **xã Óc Eo**;
- Lưu HS, AV.

Dương Thị Bé Thi